| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN P**<br>**TỈNH PHÚ THỌ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 22/2023/HSST
Ngày 28-4-2023

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Kim Hoa

2. Ông Phạm Hoàng Tuấn

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Ngọc Phú - Thư ký tòa án Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà***: Bà Vương Thị Đàm Chuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm trực tuyến công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 đối với:

*Bị cáo:* Đào Minh T, sinh năm 1983 tại tỉnh Phú Thọ; tên gọi khác: không; nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Khu 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào T (Đã chết) và bà Vũ Thị K (Đã chết); vợ: Đặng Thị H đã ly hôn; con: 02 con, con lớn sinh năm 2008, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 19/11/2018, bị công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm phạm sức khỏe của người khác" và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/12/2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Phú Thọ.

*Bị hại:*

Anh Lưu Vĩnh C, sinh năm 1975; địa chỉ: Khu M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Anh Lê Quyết T, sinh năm 1987, địa chỉ: Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ .

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Đào Thị Hồng T, sinh năm 1976; địa chỉ: Khu N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 12/2017, bị cáo giữ chức Phó chánh văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Phú Thọ nhưng bị cáo không có chức năng, nhiệm vụ, tuyển dụng, bố trí công chức, viên chức cấp huyện. Qua tìm hiểu bị cáo biết các huyện, thành thị thuộc tỉnh Phú Thọ đang chuẩn bị tổ chức thi viên chức. Do cần tiền để chi tiêu cá nhân nên bị cáo nói với bạn là anh Lưu Vĩnh C - sinh năm 1975, HKTT Khu M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ việc UBND huyện P sắp tổ chức thi tuyển viên chức và anh C có người nhà muốn xin biên chế vào ngành giáo dục thì bị cáo có thể xin giúp.

Khoảng một tuần sau, anh C gọi điện thoại cho bị cáo đặt vấn đề nhờ xin cho em họ là chị Hán Thị Ngọc H – sinh năm 1994, HKTT khu 8, xã C, huyện T, tỉnh Phú Thọ vào biên chế ngành giáo dục huyện P. Bị cáo đồng ý và yêu cầu anh C phải đưa trước 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) chi phí xin việc. Đến buổi tối ngày 20/12/2017, bị cáo đi đến nhà anh C, tại đây anh C đưa cho T 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) để bị cáo xin giúp cho chị Hội thi đỗ viên chức giáo dục huyện P. Bị cáo ghi lại thông tin của chị Hội và viết cho anh C một giấy biên nhận tiền. Bị cáo hứa với anh C nếu không xin được biên chế cho người nhà anh C thì 03 tháng sau bị cáo sẽ trả lại đầy đủ số tiền 200.000.000 đồng.

Đến khoảng đầu tháng 02/2018, anh Lê Quyết T - sinh năm 1987, HKTT Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ gọi điện thoại cho bị cáo để đặt vấn đề nhờ xin xuất bổ sung viên chức giáo dục huyện P cho vợ là chị Bùi Thị Ngọc - sinh năm 1988, HKTT Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ (trước đó chị Ngọc tham gia thi tuyển viên chức giáo dục huyện P nhưng không trúng tuyển). Bị cáo đồng ý và nói chi phí để xin việc là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng). Chiều ngày 09/02/2018 anh T cùng với mẹ vợ là bà Chử Thị T - sinh năm 1962, HKTT Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ đến nhà bị cáo gặp và đưa cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). T nhận tiền, viết giấy biên nhận và nói với anh T bao giờ xin được việc cho vợ anh T thì anh T đưa nốt số tiền còn lại. Ngày 10/02/2018 T gọi điện thoại cho anh T nói sẽ lo được việc cho vợ anh T và yêu cầu anh T đưa nốt số tiền còn lại. Chiều cùng ngày anh T và bà Tự lại đến nhà của T. Tại đây anh T đã đưa thêm cho T số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). T hứa với anh T đến quý II năm 2018 sẽ xin giúp cho vợ anh T vào viên chức giáo dục huyện P. Sau đó T viết một giấy biên nhận khác nội dung vay của anh T số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng), hẹn đến ngày 30/6/2018 sẽ trả tiền.

Sau khi nhận tiền, T không hề có hành động nào nhằm xin việc cho người nhà anh C, anh T mà sử dụng chi tiêu cá nhân hết số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) đã nhận từ anh Lưu Vĩnh C và anh Lê Quyết T.

Thời gian sau đó, thấy chị Hán Thị Ngọc H và chị Bùi Thị Ngọc không được vào biên chế ngành giáo dục huyện P, anh Lưu Vĩnh C và anh Lê Quyết T đã nhiều lần đến nhà T để đòi lại tiền nhưng T không trả nên anh C, anh T làm đơn gửi công an huyện P.

Cơ quan CSĐT công an huyện P đã triệu tập Đào Minh T đến làm việc. Tại CQĐT T khai báo việc nhận tiền của anh Lưu Vĩnh C và anh Lê Quyết T như đã nêu trên. Sau đó T bỏ trốn khỏi địa phương.

Tại kết luận giám định số 1065/KLGĐ và số 1066/KLGĐ cùng ngày 30/10/2018 của Phòng KTHS công an tỉnh Phú Thọ kết luận: chữ viết và chữ kỹ trên giấy biên nhận mà anh Lưu Vĩnh C và anh Lê Quyết T giao nộp so với chữ viết, chữ ký trên "bản báo cáo", "bản kiểm điểm" của Đào Minh T viết tại CQĐT công an huyện P là do cùng một người viết ra.

Từ ngày 21/10/2018, cơ quan CSĐT công an huyện P đã nhiều lần triệu tập nhưng Đào Minh T vắng mặt tại địa phương, không xác định được T ở đâu, làm gì. Cơ quan CSĐT công an huyện P đã ra quyết định truy nã đối với T. Ngày 09/12/2022, Đào Minh T bị Phòng cảnh sát hình sự công an tỉnh Quảng Ninh bắt giữ tại xã Xuân Đường, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Ngày 09/12/2022 Cơ quan CSĐT công an huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai đã ra Quyết định tạm giữ số 149; ngày 12/12/2022 ra quyết định gia hạn tạm giữ lần thứ nhất số 180 đối với Đào Minh T. Ngày 14/12/2022 Cơ quan CSĐT công an huyện P tiến hành nhận bị can Đào Minh T và ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án số 05, Quyết định phục hồi điều tra bị can số 04 đối với Đào Minh T.

Cáo trạng số 16/CT-VKSPN ngày 30/3/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ đã truy tố bị cáo Đào Minh T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa,*

Bị cáo Đào Minh T thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đào Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174, điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48 Bộ luật hình sự 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Đào Minh T từ 07 (Bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2022; không áp dụng hình phạt bổ sung. Về xử lý vật chứng và án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sửa chữa lỗi lầm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện P, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng đã được tống đạt cho những người tham gia tố tụng khác đúng thời hạn do pháp luật

quy định. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng tháng 12/2017 và tháng 2/2018 tại huyện P, tỉnh Phú Thọ bị cáo đã thực hiện thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của anh Lưu Vĩnh C và anh Lê Quyết T, với tổng số tiền là 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng). Cụ thể:

Khoảng tháng 12/2017 bị cáo đã thực hiện thủ đoạn gian dối đối với anh Lưu Vĩnh C, sinh năm 1975; HKTT Khu M, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ để chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của anh C.

Khoảng tháng 02/2018 bị cáo đã thực hiện thủ đoạn gian dối đối với anh Lê Quyết T - sinh năm 1987, HKTT Khu Đ, thị trấn P, huyện P, tỉnh Phú Thọ để chiếm đoạt số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) của anh T.

Như vậy, hành vi phạm tội của bị cáo đủ dấu hiệu cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi phạm tội của mình là sai trái nhưng vẫn cố ý thực hiện vì mục đích vụ lợi.

Xem xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng:

Về nhân thân và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Ngày 19/11/2018, bị cáo bị công an huyện P xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Xâm phạm sức khỏe của người khác" và cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác. Tuy nhiên hành vi này của bị cáo thực hiện sau ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội như trên. Tuy bị cáo chưa nộp phạt nhưng trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính Công an huyện không ra quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Nên tính đến thời điểm này Quyết định xử phạt hành chính đã hết thời hiệu thi hành. Vì vậy, đây không được coi là tiền sự của bị cáo mà chỉ xác định là nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần thực hiện hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tài sản nên bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ "Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải"; "Người phạm tội là người có thành tích xuất sắc trong sản xuất, chiến đấu, học tập và công tác" quy định tại

điểm s, v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 và 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự là bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bố đẻ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo đã tác động đến gia đình để gia đình bị cáo bồi thường một phần tiền đã chiếm đoạt được của các bị hại.

Xét thấy bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng nên cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe bị cáo. Tuy nhiên bị cáo có 02 trình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của BLHS 2015. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS 2015, cả hai bị hại đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, chỉ cần áp dụng mức án đầu của khung hình phạt cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

*Về hình phạt bổ sung:* Theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phù hợp.

*Về trách nhiệm dân sự:*

Đối với số tiền 400.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt của anh C, anh T: Anh C và Thăng yêu cầu bị cáo phải trả lại mình số tiền đã chiếm đoạt này. Trong quá trình điều tra, mỗi bị hại đã nhận lại được số tiền 30.000.000 đồng mà gia đình bị cáo bồi thường thay bị cáo. Nay bị hại đề nghị bị cáo phải trả nốt số tiền còn lại mà bị cáo đã chiếm đoạt của mỗi bị hại là 170.000.000 đồng. Bị cáo cũng đồng ý trả số tiền này cho bị hại. Vì vậy, buộc bị cáo phải trả cho anh C số tiền là 170.000.000 đồng và anh T số tiền là 170.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

Đối với số tiền 60.000.000 đồng mà chị Đào Thị Hồng T đã thay bị cáo bồi thường cho anh C và anh T: Đây là số tiền cá nhân của chị Tĩnh, chị Tĩnh không yêu cầu bị cáo phải trả lại cho mình số tiền này nên không đề cập trách nhiệm dân sự số tiền này.

*Về xử lý vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp:*

Đối với 01 (một) giấy biên nhận được viết bằng mực màu xanh trên giấy trắng kẻ ngang, khổ giấy dài 23,8cm; rộng 15,7cm, do anh Lưu Vĩnh C giao nộp là giấy biên nhận tiền do Đào Minh T viết ngày 20/12/2017; 01 (một) giấy biên nhận được viết bằng mực màu xanh trên tờ giấy trắng khổ A4, do anh Lê Quyết T giao nộp là giấy biên nhận tiền Đào Minh T viết ngày 10/02/2018, một phần tờ giấy còn "Bảng kê tiền" ngày 9/2/2018 và 10/2/2018, tổng số hai trăm triệu đồng chẵn; 01 đĩa DVD có 05 (năm) đoạn ghi âm gồm: Đoạn ghi âm tên: "T nam1.mp3", Size 36,5KB; Đoạn ghi âm tên "T nam2.mp3", Size: 15,8MB; Đoạn ghi âm tên "gặp tại doremon.mp3", Size 33,5MB; Đoạn ghi âm tên "Anh T Nam 1-1809062035.amr",

Size 150KB; Đoạn ghi âm tên "Anh T Nam 1-1809062032.amr", Size 223KB do anh Lê Quyết T nộp cho CQĐT: Đây là những tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ và lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[3] *Về án phí:*

Về án phí hình sự: Bị cáo T phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về án phí dân sự: Bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên về căn cứ pháp luật, hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/11/2019 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, xử:

[1] Tuyên bố bị cáo Đào Minh T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Đào Minh T 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/12/2022.

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đào Minh T.

[2]. Về trách nhiệm dân sự, : Buộc bị cáo Đào Minh T phải trả lại cho anh Lưu Vĩnh C số tiền 170.000.000 đồng, cho anh Lê Quyết T số tiền 170.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của anh Lưu Vĩnh C và anh Lê Quyết T cho đến khi thi hành án xong, bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015

[3]. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Đào Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 17.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, bị cáo có mặt có quyền kháng cáo lên để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Trong thời hạn 15 ngày, bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả*

*thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"*

***Nơi nhận:***
- VKSND huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- THA HS, DS huyện P, tỉnh Phú Thọ;
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tùng**